

Số: /BC-SKHCHN

Đồng Nai, ngày tháng 6 năm 2024

**BÁO CÁO**  
**Công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính**  
**06 tháng đầu năm 2024**

Thực hiện Kế hoạch số 300/KH-UBND ngày 28/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về cải cách hành chính năm 2024; Hướng dẫn số 585/SNV-TT ngày 25/02/2022 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn báo cáo định kỳ kết quả cải cách hành chính; Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh về kết quả giám sát việc triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2020-2022; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 20/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính.

Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo Công tác cải cách hành chính (CCHC), kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) 06 tháng đầu năm 2024 với nội dung sau:

**PHẦN 1 - NỘI DUNG BÁO CÁO**

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC**

**1. Chỉ đạo, điều hành CCHC, kiểm soát TTHC**

- Tiếp tục quán triệt và tổ chức đẩy mạnh thực hiện các văn bản chỉ đạo chủ yếu của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh về thực hiện nhiệm vụ CCHC;

- Tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh về tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm người đứng đầu đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh và Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh về tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức (CCVC) trong các cơ quan nhà nước;

- Chỉ đạo thực hiện xây dựng và ban hành các kế hoạch cụ thể như:

+ Kế hoạch CCHC năm 2024 (Kế hoạch số 195/KH-SKHCHN ngày 18/01/2024);

+ Kế hoạch kiểm tra CCHC kiểm soát TTHC năm 2024 (Kế hoạch số 983/KH-SKHCHN ngày 23/4/2024);

+ Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2024 (Kế hoạch số 157/KH-SKHCHN ngày 17/01/2024);

+ Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở, cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 (Kế hoạch số 227/KH-SKHCHN ngày 23/01/2024);

+ Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức tại Sở Khoa học và Công nghệ năm 2024 (Kế hoạch số 291/KH-SKHCHN ngày 29/01/2024).

+ Kế hoạch quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2024 (Kế hoạch số 331/KH-SKHCN ngày 02/02/2024).

+ Kế hoạch thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2024 (Kế hoạch số 353/KH-SKHCN ngày 05/02/2024)

+ Kế hoạch thông tin tuyên truyền kiểm soát TTHC năm 2024 (Kế hoạch số 450/KH-SKHCN ngày 21/02/2024);

+ Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2024 (Kế hoạch số 460/KH-SKHCN ngày 23/02/2024);

+ Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng năm 2024 (Kế hoạch số 482/KH-SKHCN ngày 27/02/2024);

+ Kế hoạch triển khai nhiệm vụ công tác pháp chế năm 2024 (Kế hoạch số 489/KH-SKHCN ngày 28/02/2024);

+ Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC năm 2024 (Kế hoạch số 509/KH-SKHCN ngày 01/03/2024).

- Niêm yết công khai đầy đủ, rõ ràng việc tiếp nhận, xử lý, trả lời các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, TTHC.

## **2. Về thanh tra, kiểm tra CCHC, kiểm soát TTHC**

- Công tác kiểm tra CCHC, kiểm soát TTHC được chú trọng thực hiện, tiếp tục thực hiện các nội dung kiểm tra bám sát và tập trung vào kiểm tra chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, trách nhiệm người đứng đầu bộ phận, chức trách công vụ của công chức, giải quyết TTHC.

- Thực hiện các nội dung kiểm tra theo kế hoạch về kiểm tra CCHC và kiểm soát TTHC của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2024; kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm trong thi hành nhiệm vụ, công vụ tại Sở Khoa học và Công nghệ.

- Việc khắc phục các kiến nghị sau kiểm tra của tỉnh hoặc các Sở chuyên ngành (nếu có): không có.

- Thông tin cụ thể về việc triển khai kiểm tra CCHC, kiểm soát TTHC, đơn vị thực hiện theo bảng sau:

<b>Tên đơn vị, bộ phận trực thuộc được thanh/ kiểm tra</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Nội dung thanh tra, kiểm tra</b>	<b>Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra</b>
Thanh tra Sở	Quý II	- Kết quả tham mưu triển khai các nội dung trong công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính.	Không có

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả tiếp nhận, luân chuyển, giải quyết, trả kết quả TTHC của Sở.</li> <li>- Tổng hợp, rà soát, tham mưu điều chỉnh, bổ sung, ban hành bộ TTHC thuộc thẩm quyền của Sở.</li> <li>- Kết quả tổ chức công khai TTHC, hoàn thiện bộ hồ sơ mẫu.</li> <li>- Công tác tiếp nhận, giải quyết phản ánh kiến nghị người dân/doanh nghiệp quan Tổng đài dịch vụ công 1022.</li> <li>- Kết quả thực hiện triển khai Đề án 06.</li> <li>- Kết quả triển khai dịch vụ công trực tuyến để giải quyết TTHC; ứng dụng các dịch vụ bưu chính, viễn thông vào giải quyết TTHC.</li> <li>- Kết quả sử dụng hệ thống thông tin báo cáo CCHC trực tuyến.</li> <li>- Kết quả theo dõi chuyển đổi số, số hóa TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.</li> <li>- Kết quả thực hiện nhiệm vụ theo các Chương trình, Kế hoạch CCHC.</li> <li>- Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan được giao.</li> </ul>	
Phòng Quản lý khoa học	Quý II	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện trách nhiệm công vụ, chấp hành kỷ luật kỷ cương hành chính, cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính.</li> <li>- Việc kiểm soát và tiếp nhận, xử lý TTHC thuộc chức năng, nhiệm vụ của phòng.</li> <li>- Trách nhiệm công vụ của công chức trong xử lý, giải quyết TTHC.</li> <li>- Kết quả ứng dụng CNTT của phòng trong việc trao đổi văn bản bản điện tử; sử dụng văn bản điện tử để điều hành, xử lý công việc; sử dụng ký số.</li> <li>+ Kết quả ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết TTHC:</li> </ul>	Không có

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả sử dụng phần mềm để tiếp nhận, luân chuyển, giải quyết và trả kết quả TTHC.</li> <li>- Kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên đổi số, số hóa TTHC.</li> <li>- Kết quả thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra CCHC, kiểm soát TTHC (từ năm 2023 trở về trước nếu có).</li> <li>- Phối hợp công khai, hoàn thiện bộ hồ sơ mẫu (đạt trên 70%); sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính.</li> <li>- Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan được giao.</li> </ul>	
--	--	--	--

### **3. Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC**

Kết quả quán triệt, triển khai kế hoạch tuyên truyền CCHC, kiểm soát TTHC năm của tỉnh tại đơn vị:

- Thực hiện tuyên truyền tin 06 bài về CCHC, đăng lên Cổng thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ, Tập san Khoa học và Công nghệ, các Kế hoạch CCHC được công khai, cập nhật kịp thời trên website caicachhanhchinh.dongnai.gov.vn. Qua công tác tuyên truyền đã đáp ứng kịp thời việc nắm bắt, tìm hiểu thông tin của CCVC và mọi tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp về công tác CCHC, nhất là TTHC.

- Nội dung tuyên truyền đăng tại trang thông tin điện tử của Sở tại địa chỉ <https://dost-dongnai.gov.vn/Pages/noi-dung-tin.aspx?NewsID=3193&TopicID=9&CoLookup=1> và Website 148 Điểm thông tin KHCN.

### **4. Đánh giá về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC được thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả tại đơn vị, địa phương**

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Hệ thống họp trực tuyến (TKC Meet) do Trung tâm Khoa học và Công nghệ Đồng Nai (trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ) đã nghiên cứu, thiết kế.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC**

### **1. Cải cách thể chế**

#### **a) Tham mưu Ban hành, rà soát và tổ chức thực hiện văn bản pháp luật**

- Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành kế hoạch thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2024 (Kế hoạch số 353/KH-SKHCN ngày 05/02/2024)

- Chỉ đạo, đôn đốc các phòng, đơn vị liên quan lập đề nghị xây dựng VBQPPL năm 2024 theo trình tự và tiến độ đã đăng ký.

Đánh giá công tác tham mưu ban hành văn bản QPPL: Kịp thời, phù hợp với VBQPPL của cấp trên.

### **b) Công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL**

- Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 353/KH-SKHCN ngày 05/02/2024 về việc thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy. phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2024.

- Thực hiện rà soát việc đồng bộ, công khai TTHC, hồ sơ mẫu theo chỉ đạo của UBND tỉnh theo công văn số 1981/UBND-HCC ngày 25/02/2022.

- Đánh giá công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL: đầy đủ, kịp thời, phù hợp quy định.

### **c) Công tác tổ chức theo dõi thi hành pháp luật**

Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng và ban hành:

- Kế hoạch số 331/KH-SKHCN ngày 10/02/2023 về quản lý công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2024.

- Kế hoạch số 460/KH-SKHCN ngày 23/02/2024 về hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024.

## **2. Cải cách TTHC**

### **2.1. Công tác công khai TTHC và đơn giản hóa TTHC**

- Thực hiện rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành khoa học và công nghệ. Sở Khoa học và Công nghệ đã có Tờ trình số 09/TT-SKHCN ngày 01/03/2024; Tờ trình số 28/TT-SKHCN ngày 27/3/2024 về công bố thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi bổ sung trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ và đã được UBND tỉnh công bố theo Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 08/3/2024; Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 02/4/2024.

- Thực hiện rà soát, đề xuất TTHC nội bộ: Sở Khoa học và Công nghệ đã có Văn bản số 1158/SKHCN-TTr ngày 09/5/2024 đề xuất 03 TTHC nội bộ thuộc lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ.

- Tình hình thực hiện liên thông TTHC: Sở không thuộc diện phải giải quyết bằng một cửa liên thông.

- Kết quả công khai, niêm yết TTHC, cung cấp hồ sơ mẫu: thực hiện theo quy định.

### **2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**

#### **2.2.1. Tổ chức hoạt động bộ phận một cửa**

Thực hiện tiếp nhận hồ sơ sẽ được Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện theo 02 cách thức:

(1) Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn>).

(2) Nộp qua đường bưu điện đến Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 1597 đường Phạm Văn Thuận, phường Thống Nhất, thành phố Biên

Hòa, tỉnh Đồng Nai).

Việc trả kết quả TTHC sẽ được Sở Khoa học và Công nghệ gửi qua hộp thư điện tử (Email) hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích cho người dân, doanh nghiệp.

### **2.2.2. Công tác giải quyết TTHC**

- Số lượng hồ sơ tồn đầu kỳ là 26 hồ sơ
- Số lượng tiếp nhận trong kỳ 166 hồ sơ
- Số lượng hồ sơ đang giải quyết là 21 hồ sơ
- Số lượng hồ sơ hoàn thành là 171 hồ sơ, tỷ lệ đúng hạn đạt 100 %.

Việc thực hiện việc tiếp nhận, luân chuyển xử lý hồ sơ điều thực hiện theo quy định của pháp luật và quy trình do UBND tỉnh ban hành.

### **2.2.3. Kết quả triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông**

- Thực hiện rà soát, đề xuất Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và tham mưu công bố sửa đổi, bổ sung Bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành khoa học và công nghệ.

- Tiếp tục triển khai và khai thác trang một cửa điện tử quốc gia đối với hoạt động xác nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu đối với các nhóm hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ. Tính đến thời điểm báo cáo, đã đạt 100% hồ sơ giải quyết trực tuyến toàn trình đối với thủ tục công khai giải quyết trên cổng một cửa quốc gia Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trên phần mềm Egov: Hiện nay Sở không có cán bộ trực ở Trung tâm HCC nên không cấu hình đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trên phần mềm Egov được. Do đó, Sở không có số liệu đánh giá nội dung này.

- Thực hiện nhận, trả hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích: 31/75 hồ sơ.

### **2.3. Công tác giải quyết phản ánh kiến nghị về giải quyết TTHC**

- Trong kỳ báo cáo, Tổng đài Dịch vụ công 1022 không tiếp nhận phản ánh, kiến nghị nào của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC của Sở.

## **3. Cải cách tổ chức bộ máy**

- a) Rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế:  
+ Đối với Khối hành chính

- Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 3575/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án sắp xếp tổ chức, bộ máy của Sở Khoa học và Công nghệ (khối hành chính). Ngày 10/2/2023, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch số 230/KH-SKH-CN về việc thực hiện Đề án sắp xếp tổ chức, bộ máy của Sở Khoa học và Công nghệ (đối với khối hành chính). Sau khi ban hành Kế hoạch, Sở Khoa học và Công nghệ đã tiến hành sắp xếp, sáp nhập các phòng chuyên môn, và thực hiện các thủ tục, quy trình điều động, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ theo Đề án, kế hoạch đã được phê duyệt.

Kết quả thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ đã hoàn thành thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo kế hoạch đề ra.

Kết quả: Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai.

- Công tác quản lý, sử dụng biên chế tại Sở Khoa học và Công nghệ được thực hiện đúng theo quy định, theo chỉ tiêu biên chế được giao. Việc sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức bộ máy, biên chế đã góp phần tạo sự chuyển biến tích cực trong đội ngũ CCVC, người lao động cả về trách nhiệm, ý thức trong thực thi công vụ, bố trí phù hợp với chức năng nhiệm vụ, vị trí việc làm, bảo đảm theo biên chế được giao.

Tổng số biên chế hiện nay bao gồm:

- Về cơ cấu: Sở có 01 Giám đốc, 03 Phó Giám đốc Sở

- Về tổ chức: giúp việc cho Lãnh đạo Sở có 06 phòng chuyên môn và 01 đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

- Tình hình triển khai các quy định của Chính phủ, các Bộ về tổ chức bộ máy, cụ thể:

<b>Nội dung</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2024</b>
1. Số phòng, ban, thuộc sở	06	06
2. Số đơn vị sự nghiệp thuộc sở	02	01

Thực hiện Quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai quyết định phân bổ biên chế, số người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2024: Về tình hình sử dụng biên chế cán bộ, công chức, tính từ thời điểm hiện nay tổng biên chế của Sở Khoa học và Công nghệ là 45/45 biên chế được giao.

b) Về thực hiện phân cấp quản lý

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 9632/UBND-KGVX ngày 18/9/2023 về việc nghiên cứu tham mưu, đề xuất việc áp dụng mô hình phân cấp của UBND thành phố Hà Nội để áp dụng tại tỉnh và Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Sở Nội vụ tham gia góp ý, đề xuất UBND tỉnh. Trên cơ sở Thông tư số 01/2021/TT-BKHHCN ngày 01/3/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện, Sở Khoa học và Công nghệ đã có văn bản số 416/SKHHCN-VP ngày 19/02/2024; văn bản số 1127/SKHHCN-VP ngày 07/5/2024 và văn bản số 1401/SKHHCN-VP ngày 03/6/2024 gửi Sở Nội vụ để tổng hợp góp ý dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh

thông qua Đề án về đẩy mạnh phân cấp trong quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

#### **4. Cải cách chế độ công vụ**

##### **a) Thực hiện các quy định về quản lý CCVC**

- Tham mưu ban hành đề án vị trí việc làm công chức, viên chức: Thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế; Thông tư số 01/2021/TT-BKHCN ngày 01/3/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; Thông tư số 16/2023/TT-BKHCN ngày 09/8/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực khoa học và công nghệ; Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ; Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 01/2023/TT-TTCT ngày 01/11/2023 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra; Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ Nội vụ về cơ cấu ngạch công chức, Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng đề án số 651/ĐA-SKHCN ngày 19/3/2024 về vị trí việc làm khối hành chính và trình UBND tỉnh phê duyệt.

Kết quả: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Thực hiện công văn số 643/SNV-QLBC&CCVC ngày 27/2/2023: Trung tâm Khoa học và Công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định số 69/QĐ-TKC ngày 19/3/2024 về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Trung tâm Khoa học và Công nghệ. Ban hành Đề án số 84/ĐA-TKC ngày 19/3/2024 về Đề án vị trí việc làm của Trung tâm Khoa học và Công nghệ.

- Kết quả thực hiện các quy định, số lượng tuyển dụng công chức, viên chức (*thi tuyển, xét tuyển*):

+ Công chức: không

+ Viên chức: 01 viên chức (xét tuyển)



- Kết quả thực hiện các quy định, số lượng bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: không có

- Đánh giá chất lượng chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức của Sở Khoa học và Công nghệ hiện nay với số lượng, tỷ lệ đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngạch, chức danh, vị trí việc làm: Công chức Sở hiện nay có trình độ đào tạo sau đại học chiếm đa số, nhìn chung đều đáp ứng nhu cầu về tiêu chuẩn ngạch, chức danh, vị trí việc làm của Sở.

b) Tình hình triển khai, quán triệt về chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của CCVC tại đơn vị, địa phương; kết quả xử lý các trường hợp vi phạm: Tiếp tục tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về đạo đức nghề nghiệp, văn hóa giao tiếp trong thi hành công vụ của CCVC (đặc biệt là công chức làm tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả); những việc CCVC không được làm theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành, tiết kiệm, chống lãng phí. Chú trọng và nâng cao chế độ kỷ luật trong hoạt động công vụ để duy trì trật tự kỷ cương và phát huy tinh thần trách nhiệm trong hoạt động công vụ của Sở; gắn với việc triển khai các văn bản mới hướng dẫn luật thi đua, khen thưởng gắn chế độ khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức trong hoạt động công vụ; Sở đã ban hành văn bản nhắc nhở CCVC trong cơ quan chấp hành tốt kỷ cương hành chính và các quy định của pháp luật. Trong kỳ báo cáo không có trường hợp vi phạm để xử lý kỷ luật.

c) Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng CCVC.

- Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng: Ngày 07/9/2021, Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức tại Sở Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2021-2025 (Kế hoạch số 1645/KH-SKHHCN ngày 07/9/2021); Năm 2024 Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành Kế hoạch số 291/KH-SKHHCN ngày 29/01/2024 về việc đào tạo, bồi dưỡng tập huấn cán bộ, công chức, viên chức tại Sở Khoa học và Công nghệ năm 2024.

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức: Hiện nay Sở đang rà soát và có 02 trường hợp dự kiến thi nâng ngạch công chức và thăng hạng viên chức.

### **5. Cải cách tài chính công**

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách, quản lý tài sản công tại đơn vị:

+ Thực hiện Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành xây dựng và ban hành Quy định quy chế chi tiêu nội bộ (Quyết định số 31/QĐ-SKHHCN ngày 09/2/2023); Tiếp tục thực hiện quy chế quản lý tài sản công theo quy định (Quyết định số 353/QĐ-SKHHCN ngày 15/11/2018).

+ Tham mưu HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 quy định định mức xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 03/01/2024 về triển khai Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 quy định định mức xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

+ Tham mưu HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2023.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (kết quả thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản có liên quan).

+ Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 về việc giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2022-2025.

+ Tham mưu UBND tỉnh Đồng Nai trình HĐND ban hành Nghị quyết về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh (Nghị quyết số 35/NQ-HĐND); tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 về việc triển khai Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 22/9/2022 của HĐND tỉnh về danh mục sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

## 6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Khai thác các ứng dụng nội bộ phục vụ công tác quản lý điều hành, xử lý công việc

- Kết quả sử dụng phần mềm quản lý văn bản - điều hành công việc để xử lý, giải quyết công việc, tỷ lệ hồ sơ xử lý trên môi trường điện tử;

S TT	Cơ quan	Số văn bản			Số văn bản điện tử			Tỷ lệ văn bản điện tử/tổng số văn bản %	CCVC sử dụng phần mềm quản lý IO văn bản để quản lý, điều hành, xử lý công việc			Ghi chú
		Tổng	Gửi	Nhận	Tổng	Gửi	Nhận		Tổng số CCVC	Số CCVC sử dụng	Tỷ lệ %	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	12	13	14

1	Sở KHCN	5598	1490	4298	5638	1490	4148	100%	124	124	100%	
---	---------	------	------	------	------	------	------	------	-----	-----	------	--

+ 100% văn bản trao đổi trong nội bộ cơ quan và giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện hoàn toàn dưới dạng điện tử thông qua trực liên thông của tỉnh (Trừ các loại văn bản Mật, các hợp đồng, văn bản đối với các tổ chức khoa học công nghệ không thuộc cơ quan hành chính nhà nước không gửi trên môi trường mạng).

- Kết quả ứng dụng chữ ký số, chứng thư số để xác thực văn bản điện tử trên phần mềm quản lý văn bản - điều hành công việc và phần mềm một cửa điện tử để giải quyết hồ sơ hành chính cho người dân, doanh nghiệp: 100% cán bộ Lãnh đạo Sở, Trưởng/Phó các phòng, đơn vị ứng dụng chữ ký số, chứng thư số để xác thực văn bản điện tử trên phần mềm quản lý văn bản - điều hành công việc và phần mềm một cửa điện tử để giải quyết hồ sơ hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

- Ban hành Kế hoạch Công tác văn thư, lưu trữ năm 2024 của Sở Khoa học và Công nghệ (Kế hoạch số 488/KH-SKHCN ngày 28/02/2024).

- Kết quả triển khai Hệ thống quản lý chất lượng ISO, ISO điện tử:

+ Tiếp tục áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 cho 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở; đã ban hành Quyết định công bố mục tiêu chất lượng và đang thực hiện rà soát các quy trình nội bộ theo quy định của TCVN ISO 9001:2015.

+ Đối với triển khai ISO cho các Sở, ban, ngành: Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục theo dõi tình hình duy trì việc áp dụng HTQLCL tiên tiến theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 ứng dụng công nghệ thông tin (ISO điện tử) vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2024 (Tờ trình số 108/TTr-SKHCN ngày 22/11/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc Phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính năm 2024).

- Thực hiện tổng hợp Kế hoạch thực hiện ISO 9001:2015 và mục tiêu chất lượng các Sở, ban ngành (32 đơn vị).

b) Ứng dụng CNTT phục vụ người dân

- Đánh giá mức độ thực hiện mục tiêu ứng dụng CNTT trong giải quyết TTHC;

+ Kết quả ứng dụng chữ ký số, chứng thư số để xác thực văn bản điện tử trên phần mềm quản lý văn bản - điều hành công việc và phần mềm một cửa điện tử để giải quyết hồ sơ hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

- Các giải pháp nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tại đơn vị (nếu có)

- Kết quả triển khai các ứng dụng công nghệ riêng của đơn vị, địa phương phục vụ người dân, doanh nghiệp: Nâng cấp phần mềm cơ sở dữ liệu về đánh giá trình độ công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Hiện tại, Sở Khoa học và Công nghệ đang phối hợp Cục Ứng dụng và Phát triển Công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch triển khai nội dung Điều tra đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2024 (dự kiến 03 ngành sản xuất). Dự kiến hoàn thành trong tháng 11/2024.

c) Triển khai mô hình đô thị thông minh (nếu có): không

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Mặt tích cực**

- Sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, sự tham gia tích cực các phòng ban chuyên môn và toàn thể công chức, viên chức là yếu tố quan trọng đưa công tác CCHC ngày càng phát triển mạnh theo hướng tinh giảm các TTHC qua đó đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ Chính trị của đơn vị. Bám sát nhiệm vụ chính trị, xác định nhiệm vụ trọng tâm, có phương pháp thực hiện trong từng công việc cụ thể, tham gia giải quyết dứt điểm những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích của người dân và doanh nghiệp.

- Công tác cải cách thể chế thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra. Các VBQPPL được xây dựng và ban hành đúng thẩm quyền, đúng thể thức; nội dung phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn của tỉnh Đồng Nai, cụ thể hoá kịp thời các chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh.

- Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, điều hành; tiếp nhận, giải quyết TTHC cho người dân được Lãnh đạo Sở quan tâm thực hiện và có chuyển biến tích cực tiếp tục thực hiện trao đổi văn bản điện tử, giảm các văn bản, giấy tờ hành chính không cần thiết.

- Công tác xây dựng, tuyển dụng, đào tạo CCVC tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm để xây dựng đội ngũ CCVC đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của công tác chuyên môn, góp phần vào sự nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh nhà.

- Việc ứng dụng CNTT trong công tác chỉ đạo điều hành, tiếp nhận, giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp được quan tâm thực hiện và đạt kết quả cao, tiếp tục đẩy mạnh việc trao đổi văn bản điện tử đạt 100%.

- Công tác thanh tra kiểm tra công vụ được duy trì và thực hiện thường xuyên, trong đó chú trọng thực hiện công tác tuyên truyền CCHC bằng nhiều hình thức phong phú.

**2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân:** Do trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy nên có 14 TTHC của năm 2023 trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng trong giai đoạn giao thời đang còn trong tình trạng tồn đọng.

#### **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM**

1. Tăng cường công tác kiểm tra các phòng ban đơn vị thực hiện công tác CCHC, kiểm soát TTHC chú trọng công tác giải quyết TTHC thuộc trách nhiệm Sở Khoa học và Công nghệ đảm bảo đúng thời gian quy định.

2. Tuyên truyền đến toàn thể cán bộ CCVC biết kế hoạch CCHC của tỉnh, đơn vị, các chính sách pháp luật, các văn bản ban hành mới liên quan. Xây dựng và thực hiện công tác tham mưu và ban hành VBQPPL kịp thời, đúng tiến độ.

3. Tiếp tục rà soát, duy trì đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến của cơ quan đảm bảo 100 % các dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần của Sở.

4. Thực hiện chế độ tài chính công, quản lý tài sản Nhà nước, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả theo quy định pháp luật.

5. Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học công nghệ.

#### **V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:** Không có.

Trên đây là báo cáo công tác CCHC, kiểm soát TTHC 06 tháng đầu năm 2024 tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai./.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ;
  - Văn phòng UBND tỉnh;
  - Giám đốc và các PGĐ Sở;
  - Các phòng/đơn vị;
  - Lưu: VT, TTr.
- TTrThang\_BCCCHC  
KSTTHC06thang2024

**Đoàn Tấn Đạt**

**PHẦN 2 - HỆ THỐNG BIỂU MẪU SỐ LIỆU****Biểu mẫu 1  
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành</b> <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	16	
<b>2.</b>	<b>Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm</b> <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	71	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	7	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	5	
<b>3.</b>	<b>Kiểm tra CCHC</b>			
3.1	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	2	
3.2	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0	
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
<b>4.</b>	<b>Truyền thông về CCHC</b>			
4.1	Tin bài viết về CCHC, KSTTHC	Tin bài	6	
4.2	Chương trình truyền hình, phát thanh	Chương trình	0	
4.3	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	

**Biểu mẫu 2**  
**Cải cách thể chế**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Tổng số VBQPPL<sup>1</sup> do đơn vị tham mưu ban hành/ UBND cấp huyện ban hành</b>	Văn bản	<b>1</b>	
<b>2.</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
<b>3.</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	0	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

<sup>1</sup> Văn bản quy phạm pháp luật.

**Biểu mẫu 3**  
**Cải cách TTHC**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Thống kê TTHC (Các sở, ban ngành)</b>			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	02	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	01	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	48	
<b>2.</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	0	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
<b>3.</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>170</i>	
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>170</i>	
3.2.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.2.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	<i>0</i>	
3.2.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	<i>0</i>	



## Biểu mẫu 4

### Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>			
1.1.	Đã ban hành quy định về tổ chức bộ máy sau sắp xếp, kiện toàn	Đã ban hành = 1 Chưa ban hành = 0	1	
1.2.	Đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	Đã hoàn thành = 1 Chưa hoàn thành = 0	1	
1.3.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) thuộc đơn vị, địa phương	Cơ quan, đơn vị	1	
1.3.1.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	1	
1.3.2.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
1.3.3.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	50	
<b>2.</b>	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	45	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	45	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	4	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	100	
<b>3.</b>	<b>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập</b>			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	0	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	0	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	100	

**Biểu mẫu 5****Cải cách chế độ công vụ**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>			
1.1.	Đơn vị, địa phương đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Đã phê duyệt = 1 Chưa phê duyệt = 0	1	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
<b>2.</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	1	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
<b>3.</b>	<b>Số lượng CCVC bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).</b>			
3.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
3.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
3.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
<b>4.</b>	<b>Thực hiện Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng</b>			
4.1.	Số công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng các lớp cao cấp, trung cấp chính trị	Người	01	
4.2.	Số công chức, viên chức được đào tạo bồi dưỡng các lớp nghiệp vụ, tập huấn từ 05 ngày trở lên	Người	13	
<b>5.</b>	<b>Số liệu về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức, viên chức lãnh đạo quản lý</b>			
5.1.	Số lượng lãnh đạo quản lý cấp phòng được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.2.	Số lượng lãnh đạo quản lý cấp phòng được bổ nhiệm lại	Người	0	
5.3.	Số lượng bổ nhiệm thông qua thi tuyển	Người	0	

**Biểu mẫu 6**  
**Cải cách tài chính công**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công (đối với UBND cấp huyện)</b>	<b>%</b>		
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	0	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	0	
<b>2.</b>	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập thuộc đơn vị, địa phương	Đơn vị	1	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	1	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

## Biểu mẫu 7

### Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	<b>Kết nối vận hành Hệ thống hợp trực tuyến với cấp tỉnh</b>	Chưa có = 0 Đã kết nối = 1	1	
2.	<b>Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia (nếu có)</b>	%	100	
3.	<b>Số liệu về trao đổi văn bản điện tử</b>		5.368	
	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của đơn vị, địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	
4.	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>			
	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	02	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	02	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
4.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	46	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	46	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	14	
4.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4	Thủ tục	48	
	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	48	
4.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	100	
	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	170	
	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	170	
4.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí...)	Thủ tục	20	
	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	20	